

BỘ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 23.653
Giới: Ngày 16 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 2 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
			Năm 2010	Quý 2/2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL25	148.672.457.032	203.286.867.973	278.937.819.620	268.871.019.627
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL26				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL27	148.672.457.032	202.539.139.823	278.937.819.620	268.871.019.627
4. Giá vốn hàng bán	11	VL28	67.523.896.395	120.477.979.823	115.246.697.230	172.368.370.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.148.560.637	82.061.160.000	163.691.122.390	96.502.648.969
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL29	15.615.899.296	62.271.523	19.193.224.966	1.705.755.685
7. Chi phí tài chính	22	VL30				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24			40.000.000		40.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.319.520.306	2.962.223.538	8.773.038.773	4.399.223.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.444.939.627	79.161.207.985	174.111.308.583	93.769.181.116
11. Thu nhập khác	31		595.529.502	18.944.151	649.174.402	18.944.151
12. Chi phí khác	32		104.208.619	120.902	104.208.619	120.902
13. Lợi nhuận khác	40		491.320.883		544.965.783	18.823.249
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91.936.260.510	79.180.031.234	174.656.274.366	93.788.004.365
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		20.864.932.627	13.856.505.466	41.544.936.091	16.289.048.338
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		71.071.327.883	65.323.525.768	133.111.338.275	77.498.956.027
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.840	5.099	9.065	6.050

Người lập biểu

Chu Tuấn Anh

Chu Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng

Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010

